

NIÊM YẾT VIỆC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

**Quyền sử dụng 17 lô đất tại khu dân cư mới phía
Bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân (đợt 2)**

Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân huyện Thường Xuân.

Địa chỉ: Số 13, đường Cẩm Bá Thước, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 17 lô đất ở tại mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân được UBND huyện Thường Xuân;

- Tổng diện tích đưa ra đấu giá: 2.065,3 m².
- Hiện trạng khu đất: Được đầu tư xây dựng theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị;
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

* Giấy tờ về tài sản đấu giá: Căn cứ Quyết định của UBND huyện Thường Xuân số 1103/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở tại mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân;

* Nơi có tài sản đấu giá: khu dân cư mới phía Bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân;

2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian xem tài sản đấu giá: Trong giờ hành chính từ ngày 05/5/2025 đến ngày 07/5/2025.

- Địa điểm xem tài sản đấu giá: Nơi có tài sản đấu giá.

3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính tại:

- Ủy ban nhân dân thị trấn Thường Xuân từ ngày 29/4/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 16/5/2025.

- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa từ ngày 29/4/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 19/5/2025.

4. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước:

1. Giá khởi điểm: Từ 600.000.000đồng/lô đến 2.640.000.000 đồng/lô

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: từ 100.000 đồng đến 200.000đồng/1 hồ sơ tham gia đấu giá. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá được thu khi khách hàng nhận hồ sơ tham gia đấu giá và không trả lại cho khách hàng.

- Tiền đặt trước: Từ 120.000.000 đồng/lô đến 528.000.000 đồng/lô. *(Chi tiết Giá khởi điểm, tiền hồ sơ, tiền đặt trước có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 7 giờ 00 phút ngày 29/4/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 19/5/2025.

- Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: **50110002347999** mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (BIDV).



- Người tham gia đấu giá ghi rõ phần nội dung chuyển tiền: ***("Họ tên và Số CCCD của người đăng ký tham gia đấu giá" nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền sử dụng đất MBQH Thị trấn Thường Xuân).***

5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: theo như mục 3 của Thông báo này *(Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá)*

* Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;

- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân của vợ/chồng kèm theo;

- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

6. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

Bắt đầu 08 giờ 00 phút ngày 22/05/2025 tại Hội trường UBND thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

8. Bước giá, phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ.

- **Bước giá: 1%**, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

- **Phiếu trả giá hợp lệ:**

+ Trong phiếu trả giá, người tham gia đấu giá ghi cả số tiền bằng số và số tiền bằng chữ; trường hợp số tiền bằng số và số tiền bằng chữ không thống nhất thì căn cứ số tiền bằng chữ để xác định giá trả; trường hợp số tiền bằng số không rõ ràng, không có nghĩa thì căn cứ số tiền bằng chữ và ngược lại.

+ Phiếu trả giá không thuộc trường hợp phiếu trả giá không hợp lệ.

- *Phiếu trả giá không hợp lệ:*

+ Phiếu trả giá không theo mẫu của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành và không đóng dấu treo.

+ Không trả giá, trả giá thấp hơn giá khởi điểm ở vòng 1 hoặc thấp hơn giá khởi điểm của các vòng đấu tiếp theo cộng với bước giá.

+ Không ghi số lô hoặc không ghi rõ số lô đất.

+ Phiếu không còn nguyên vẹn, nhàu nát.

+ Sửa chữa, tẩy xóa tại các nội dung về phần họ tên người tham gia đấu giá, lô đất đăng ký tham gia và số tiền trả giá bằng số, bằng chữ;

+ Không ký và không ghi rõ họ tên của người tham gia đấu giá (vào phần “*ký, ghi rõ họ tên*”).

+ Số tiền ghi bằng số và bằng chữ không rõ ràng, không có nghĩa hoặc không ghi số tiền bằng số hoặc không ghi số tiền bằng chữ.

+ Phiếu nộp sau khi kết thúc thời gian thu phiếu trả giá.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, TP. Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, HS.

GIÁM ĐỐC

Mai Văn Đông

Phụ Lục

17 lô đất ở tại khu dân cư mới phía Bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân (Đợt 2)

STT	Vị trí lô	Diện tích (m ²)	Giá đất (đồng/m ²)	Hệ số	Giá khởi điểm đồng/lô	Tiền đặt trước	Phí hồ sơ
1	A17	120	5,000,000		600,000,000	120,000,000	100,000
2	A18	120	5,000,000		600,000,000	120,000,000	100,000
3	C02	145.3	7,000,000		1,017,100,000	203,420,000	200,000
4	C34	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
5	C35	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
6	C36	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
7	C37	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
8	C38	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
9	C39	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
10	C40	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
11	C41	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
12	C42	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
13	C43	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
14	C44	120	6,000,000		720,000,000	144,000,000	100,000
15	C45	120	6,000,000	1,1	792,000,000	158,400,000	100,000
16	D14	120	20,000,000	1,1	2,640,000,000	528,000,000	200,000
17	D15	120	20,000,000		2,400,000,000	480,000,000	200,000
Tổng		360.00			15,969,100,000		